

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

V/v “Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

**3.1. Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định;**

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu S, chức vụ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xét xử vắng mặt.

3.2. chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Ch; cùng địa chỉ: xóm 8, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định, có đơn xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

1. Theo đơn khởi kiện, lời trình bày của người khởi kiện và của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện thể hiện:

Thửa đất gia đình ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G đang sử dụng tại xóm 8, thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định có nguồn gốc như sau: trước đây thửa đất là của ông cố ngoại ông C là cụ Đỗ Y sử dụng (có Trích lục Đại Nam Trung Kỳ cấp). cụ Đỗ Y không có con trai nên đã chuyển thửa đất trên cho ông nội của ông C là cụ Nguyễn C1 sử dụng. Sau khi cụ Nguyễn C1 qua đời đã chuyển cho cha ông C là cụ Nguyễn D tiếp tục trồng cây hàng năm (cây mì). Sau đó, cha ông C (cụ D) đã chuyển giao cho ông C tiếp tục sử dụng. Chứng cứ sử dụng diện tích đất nói trên qua các đời của gia đình ông C để lại như mộ của cụ Nguyễn C1 an táng ngày 26/01/1970, mộ bà nội ông C là cụ Đỗ Thị L an táng ngày 26/5/1987, chú ruột ông C là cụ Nguyễn C2 an táng ngày 18/3/1970 và hai anh ruột của ông C an táng năm 1965 và năm 1970 tại thửa đất trên.

Năm 1987 ông C tiếp tục sử dụng diện tích đất trên trồng cây điều, cây bạch đàn, cây xoài và xen mì (nay những cây xoài và cây điều có tuổi trên 30 năm). Năm 1990 sau khi lập gia đình với bà Nguyễn Thị G, vợ chồng ông C đã xây dựng ngôi nhà trên diện tích đất nêu trên nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ).

Năm 1996 vợ chồng ông C, bà G đăng ký và làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho toàn bộ diện tích đất nêu trên, nhưng Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T, tỉnh Bình Định chỉ giao 200m<sup>2</sup> đất ở theo Quyết định số 46/QĐ-UBND ngày 06/6/1996 (Quyết định số 46).

Năm 2005 UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số H00282 cho vợ chồng ông C với diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01 (thửa đất số 495); phần diện tích đất nông nghiệp còn lại không cấp GCNQSDĐ. Phần diện tích đất nông nghiệp này vợ chồng ông C trực tiếp sử dụng ổn định liên tục trên 30 năm, có ranh giới rõ ràng, không có tranh chấp và từ trước đến nay vợ chồng ông C không biết hoặc không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính hoặc thu hồi diện tích đất nói trên. Vợ chồng ông C đã liên tục kiến nghị UBND xã B, huyện T, tỉnh Bình Định và UBND huyện T cấp GCNQSDĐ đối với phần diện tích đất nông nghiệp còn lại nhưng không được giải quyết.

Ngày 26/5/2017 vợ chồng ông C gửi đơn khiếu nại UBND huyện T nhưng không được giải quyết theo đúng quy định của Luật Khiếu nại.

Ngày 19/8/2019 UBND huyện T có Văn bản số 518/UBND-KTN trả lời cho vợ chồng ông C các nội dung sau:

“1. Vị trí, diện tích đất mà vợ chồng ông C đề nghị cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc của Hợp tác xã B 3 quản lý do cha ông C là ông Nguyễn D chiếm dụng.

2. Vị trí, diện tích đất này đã đưa vào quy hoạch đất ở nông thôn năm 2012 theo Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 12/10/2012.

3. Trích lục Địa Nam Trung Kỳ Chánh phủ của cụ cố ngoại ông C là không có cơ sở.

4. Vợ chồng ông Nguyễn Văn C tạm thời sử dụng đất theo hiện trạng tại thửa đất mà hiện nay vợ chồng ông xin được cấp GCNQSDĐ đất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định.”

Sau đó vợ chồng ông C ủy quyền của cho ông Văn T1 (theo Hợp đồng ủy quyền số 04 ngày 11/01/2021). Ngày 11/01/2021 ông Văn T1 đã khiếu nại hành vi hành chính, không thực hiện cấp GCNQSDĐ theo quy định của pháp luật tại Văn bản số 518. Ngày 05/5/2021 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1981/QĐ-UBND (Quyết định số 1981) về việc giải quyết khiếu nại của ông Văn T1, nội dung “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Văn T1 tại đơn ghi ngày 11/01/2020 và công nhận nội dung Văn bản số 518 về việc trả lời kiến nghị của vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Nguyễn Thị G” (không giao Quyết định số 1981 cho người khiếu nại).

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nói trên, ông Văn T1 tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định. Ngày 11/01/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 101/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (Quyết định số 101) có nội dung: công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1981 (không giao Quyết định số 101 cho người khiếu nại).

Không đồng ý với Quyết định số 1981 và Quyết định số 101, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy các quyết định hành chính nói trên.

2. Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định là ông Nguyễn Tuấn T2 trình bày:

- Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> ông Văn T1 (được ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G ủy quyền) khiếu nại yêu cầu UBND huyện T cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc như sau: trước năm 1984 là đất do Hợp tác xã nông nghiệp B 3 (nay là Hợp tác xã nông nghiệp T) quản lý, sử dụng trồng cây hoa màu (mì, sắn). Năm 1984 Hợp tác xã nông nghiệp B 3 chuyển sang trồng cây công nghiệp lâu năm (cây điều). Đến trước năm 1993 cụ Nguyễn D (cha ruột của ông Nguyễn Văn C) đã chiếm dụng diện tích đất này để trồng cây bạch đàn.

Theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1993 được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định) phê duyệt ngày 06/5/1997 thể hiện: phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 471 (thửa đất số 471), tờ bản đồ số 91, diện tích 3.740m<sup>2</sup>, loại đất: đất lâm nghiệp (ký hiệu: LN) thể hiện tại trang số 12, quyền số 01, trong Sổ mục kê đất ngày 06/5/1997 đứng tên chủ sử dụng đất là UBND xã B, nhưng trên thực tế do cụ Nguyễn D sử dụng để trồng cây bạch đàn.

Tại thời điểm thực hiện Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 64/CP của Chính phủ về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp (Nghị định số 64), hộ gia đình cụ Nguyễn D có 04 nhân khẩu gồm: cụ Nguyễn D (chủ hộ), cụ Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G) là hộ xã viên Hợp tác xã nông nghiệp B 3 nên được UBND xã B xét cân đối và đề nghị UBND huyện T giao quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất thuộc tờ bản đồ số 02 (trong đó không có thửa đất số 471), gồm: thửa đất số 101, diện tích 820m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 620m<sup>2</sup> đất vườn); thửa đất số 666C, diện tích 320m<sup>2</sup>; thửa đất số 397A, diện tích 403m<sup>2</sup>; thửa đất số 808B, diện tích 142m<sup>2</sup> và thửa đất số 245B, diện tích 315m<sup>2</sup> đều là loại đất trồng lúa; thể hiện tại trang số 172, quyền số 01, trong Sổ Địa chính được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định) phê duyệt ngày 06/5/1997, đứng tên chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị L1.

Năm 1996 ông C có đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở. Ngày 06/6/1996 UBND huyện T ban hành Quyết định số 46 giao cho ông C sử dụng thửa đất số 495, tài sản gắn liền với đất gồm nhà cấp 4, diện tích xây dựng là 56m<sup>2</sup>.

Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông C đã tự ý lấn chiếm sử dụng diện tích 1.830m<sup>2</sup> (thuộc một phần của thửa đất số 471) nằm phía Nam và phía Bắc thửa đất số 495.

Theo Bản đồ VN-2000 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định phê duyệt ngày 04/5/2009, toàn bộ diện tích đất hộ gia đình ông C đang sử dụng được đo đạc thành thửa đất số 175, tờ bản đồ số 3, diện tích 2.030m<sup>2</sup> (thửa đất số 175) thể hiện trong Sổ mục kê đất đai (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1.830m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác) được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định phê duyệt ngày 04/5/2009 (trang số 28, quyền số 01) ghi tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn C.

Hiện nay, phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> mà ông C và bà G khiếu nại cấp GCNQSDĐ thuộc quy hoạch đất ở nông thôn xã B, được UBND huyện T phê duyệt tại Quyết định số 1783.

- Kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T:

Ngày 19/8/2019 UBND huyện T có Văn bản số 518 về việc trả lời đơn kiến nghị đề ngày 08/9/2017 của vợ chồng ông C với các nội dung sau:

“1. Vị trí mà vợ chồng ông C đề nghị cấp GCNQSDĐ đất nông nghiệp, có nguồn gốc trước đây là đất của của Hợp tác xã B 3 (nay là Hợp tác xã Nông nghiệp

T) quản lý trồng cây hoa màu (cây mì). Đến năm 1984 Hợp tác xã chuyển sang trồng cây công nghiệp lâu năm (cây điều), riêng vị trí mà vợ chồng ông C hiện đang sử dụng có mồ mả xen kẽ. Hợp tác xã không có trồng cây điều nên cụ Nguyễn D là cha ruột của ông Nguyễn Văn C chiếm dụng đất trồng cây hàng năm. Đến năm 1996 vợ chồng ông Nguyễn Văn C có nhu cầu xin đất để xây dựng nhà ở, được cấp có thẩm quyền xét giao 200m<sup>2</sup> đất ở tại vị trí này (vị trí không có mồ mả) và năm 2005 được UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số H00282 ngày 20/7/2005 thể hiện là thửa đất số 495, tờ bản đồ số 01, diện tích 200m<sup>2</sup>. Trong quá trình sử dụng, vợ chồng ông sử dụng tiếp phần đất nông nghiệp mà trước đây cụ Nguyễn D chiếm đất của Hợp tác xã trồng cây hàng năm và theo Bản đồ VN-2000 được đo đạc thành thửa đất số 175, tờ bản đồ số 3 có tổng diện tích 2.030m<sup>2</sup>.

2. Vị trí này năm 2012 đã đưa vào quy hoạch đất ở nông thôn tại Quyết định số 1783 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới, xã B, huyện T.

3. Trích lục Địa Nam Trung Kỳ Chánh phủ (diện tích 01 mẫu, 11 thước) năm 1937 đứng tên cụ Đỗ Y. Qua đối chiếu Bản đồ hiện tại, UBND xã B quản lý, không xác định được ở vị trí nào, do đó không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

4. Vợ chồng ông Nguyễn Văn C tạm thời sử dụng đất theo hiện trạng tại thửa đất mà hiện nay vợ chồng ông xin được cấp GCNQSDĐ đất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định.”

Ngày 11/01/2021 ông Văn T1 (người được vợ chồng ông C và bà G ủy quyền) có đơn khiếu nại Văn bản số 518. Ngày 05/5/2021 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1981 về việc giải quyết khiếu nại của ông Văn T1, nội dung “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Văn T1 tại đơn ghi ngày 11/01/2020 và công nhận nội dung Văn bản số 518 về việc trả lời kiến nghị của vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Nguyễn Thị G”.

- Kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định đối với khiếu nại của ông Văn T1:

Trên cơ sở kết quả kiểm tra, xác minh, rà soát toàn bộ hồ sơ vụ việc, kết quả đối thoại và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định tại Văn bản số 223/BC-STNMT ngày 29/11/2021 và Văn bản số 11/STNMT-TTRA ngày 04/01/2022. Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 101 về việc giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông Văn T1, theo đó:

“Việc ông Văn T1 (được ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G ủy quyền) khiếu nại yêu cầu UBND huyện T cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G đối với phần diện tích 1.830m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (BHK) của thửa đất số 175 (thuộc một phần của thửa đất số 471, diện tích 3.740m<sup>2</sup> theo Bản đồ địa chính đo đạc năm 1993) tại xóm 8, thôn T, xã B, huyện T là không có cơ sở để xem xét giải quyết, vì:

Phần diện tích đất nêu trên do UBND xã B, huyện T quản lý. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý, vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G đã tự ý lấn

chiếm sử dụng (thời điểm lần chiếm sau năm 1996) để xây dựng một số công trình chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà vệ sinh và trồng các loại cây: điều, xoài, mít và một số cây hàng năm khác là hành vi vi phạm pháp luật về đất đai và hiện nay phần diện tích đất này thuộc quy hoạch đất ở nông thôn tại Quyết định số 1738 về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới, xã B, huyện T.

Căn cứ khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013, quy định: “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”. UBND huyện T không cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G đối với phần diện tích 1.830m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác (BHK) thuộc thửa đất số 175 tại xóm 8, thôn T, xã B, huyện T là đúng theo quy định. UBND huyện T đã thống nhất cho ông Nguyễn Văn C tạm thời sử dụng đất (diện tích 1.830m<sup>2</sup>) theo hiện trạng cho đến khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất và phải kê khai đăng ký đất đai theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Mặt khác, thực hiện Nghị định số 64, hộ gia đình cụ Nguyễn D (trong đó có nhân khẩu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G) là hộ xã viên Hợp tác xã nông nghiệp B 3 được UBND xã B xét cân đối và đề nghị UBND huyện T giao quyền sử dụng đất cho hộ cụ Nguyễn D 05 thửa đất (không có phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 175, trước đây thuộc một phần của thửa đất số 471, diện tích 3.740m<sup>2</sup> nêu trên).

Công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1981”.

Từ những căn cứ nói trên, Quyết định số 101 được ban hành đúng quy định của pháp luật. Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định nói trên.

3. Người bị kiện Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Chủ tịch UBND huyện T thống nhất với nội dung trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> ông Văn T1 (người được ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G ủy quyền) khiếu nại yêu cầu UBND huyện T cấp GCNQSDĐ và kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện T.

Quyết định số 1981 được ban hành đúng quy định. Do đó, Chủ tịch huyện T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu Tòa án hủy quyết định nói trên.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã B trình bày:

UBND xã B thống nhất với nội dung trình bày của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> ông Văn T1 (người được ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G ủy quyền) khiếu nại yêu cầu UBND huyện T cấp GCNQSDĐ.

Từ trước đến tháng 6/2015, hộ cụ Nguyễn D, cụ Nguyễn Thị L1; ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G không đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> nêu trên.

Tháng 6/2015 UBND xã B nhận được đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G đối với phần diện tích 1.830m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 175. Trên cơ sở đó, ngày 17/6/2015 Hội đồng tư vấn xét giao đất xã B có cuộc họp xét đơn đăng ký cấp GCNQSDĐ của vợ chồng ông C.

Theo số liệu Bản đồ địa chính VN-2000 là thửa đất số 175, diện tích 2.030m<sup>2</sup> và qua đo đạc thực tế hiện trạng ông C sử dụng như sau: tổng diện tích xây dựng nhà ở và các công trình khác với diện tích sử dụng 457m<sup>2</sup>; trong đó, 200m<sup>2</sup> ONT là đất đã được cấp GCNQSDĐ. Qua thời gian sử dụng ông C có coi nói xây dựng các công trình ngoài diện tích được giao trên cùng thửa đất đó như chuồng bò, chuồng heo, sân bê tông, nhà tắm với diện tích là 257m<sup>2</sup>; diện tích còn lại ông đang trồng cây công nghiệp lâu năm (cây điều).

Trên cơ sở đó, Hội đồng xét giao đất của xã thống nhất xét giao thêm 257m<sup>2</sup> là phần diện tích ông coi nói xây dựng công trình đã nêu trên. Hội đồng không thống nhất giao hết số diện tích theo đơn yêu cầu của ông là 2.030m<sup>2</sup> vì lý do: khu vực này từ năm 2001 đến nay, hàng năm UBND xã B lập kế hoạch sử dụng đất xin quy hoạch khu dân cư nông thôn. Trong quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã B, khu vực này được quy hoạch là khu dân cư nông thôn.

Tại thửa đất này ông C được cấp GCNQSDĐ vào năm 2005 với diện tích 200m<sup>2</sup> đất ở chứ không phải thuộc diện đất chưa giao quyền. Đồng thời, năm 2005 khi ông C đăng ký cấp GCNQSDĐ, UBND xã B chỉ đề nghị cấp 200m<sup>2</sup> đất ở theo quyết định giao đất của UBND huyện T; không giao thêm đất nông nghiệp vì khu vực này hàng năm thực hiện kế hoạch sử dụng đất theo quy hoạch điểm dân cư.

Thừa kế quy hoạch sử dụng đất đến năm 2015, trong quy hoạch nông thôn mới thửa đất này vẫn là đất quy hoạch khu dân cư nông thôn. Việc vợ chồng ông C đề nghị cấp hết diện tích đang sử dụng vào mục đích nông nghiệp là không phù hợp với quy hoạch và hiện trạng khu vực xung quanh, vì xung quanh đã quy hoạch khu dân cư, hiện tại hộ dân đã xây dựng nhà ở.

Ngày 17/8/2018 UBND xã B tổ chức cuộc họp có mời lãnh đạo Đảng ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Mặt trận và các Hội đoàn thể của xã tham gia để lấy ý kiến về việc vợ chồng ông C xin cấp GCNQSDĐ tại thửa đất vợ chồng Chính đang sử dụng vào mục đích đất nông nghiệp như đã nêu trên. Cuộc họp không thống nhất, giữ nguyên kết luận cuộc họp trước ngày 17/6/2015.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 101 và Quyết định số 1981, UBND xã B đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, UBND xã B không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn Ch thống nhất trình bày:

anh chị thống nhất với toàn bộ nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị G là yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 101 và Quyết định số 1981. Ngoài ra, anh chị không có trình bày hoặc yêu cầu độc lập nào khác.

*Với nội dung trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định:*

Căn cứ vào Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019. Luật Đất đai ngày 29/11/2013. Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Thông tư số 02/2016/TT-TTCP ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Các ngày 06 và 10 tháng 3 năm 2023 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị G trình bày giữ nguyên đơn khởi kiện, đơn kháng cáo. Năm 1984 Hợp tác xã không sử dụng

diện tích đất này, cụ D đã khai hoang và sử dụng đúng tinh thần chính sách đất đai. Tiếp theo đến cho ông C, ông C sử dụng liên tục, không tranh chấp, không bị xử phạt vi phạm hành chính. Diện tích 1.830m<sup>2</sup>, 200m<sup>2</sup> đất ở là do ông cổ ngoại ông C khai hoang sử dụng trước năm 1993 không có ai tranh chấp, sau này là cha và đến ông C sử dụng nên đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông C, bà G và sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà G. bà Nguyễn Thị G đồng ý quan điểm của ông T1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G là trong thời hạn luật định.

Về nội dung vụ án: căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thấy rằng, bản án sơ thẩm xác định đất ông C đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất do HTX quản lý, sau năm 1993 là đất lâm nghiệp do UBND xã quản lý. Trên đất có mồ mả của gia đình ông C và của gia đình khác. Từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C, bà G là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, phía người khởi kiện không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

*Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: các ngày 06 và 10 tháng 3 năm 2023 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G kháng cáo Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định. Như vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 05/5/2021 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 1981/QĐ-UBND (Quyết định số 1981) về việc giải quyết khiếu nại của ông Văn T1, nội dung “Không công nhận toàn bộ nội dung khiếu nại của ông Văn T1 tại đơn ghi ngày 11/01/2020 và công nhận nội dung Văn bản số 518 về việc trả lời kiến nghị của vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Nguyễn Thị G”.

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại nói trên, ông Văn T1 tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định. Ngày 11/01/2022 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định ban hành Quyết định số 101/QĐ-UBND (Quyết định số 101) về việc giải quyết khiếu nại có nội dung “công nhận và giữ nguyên nội dung Quyết định số 1981”.

Ngày 27/5/2022 và ngày 20/6/2022 ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G nộp trực tiếp đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, yêu cầu huỷ Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên có liên quan đến ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết là đúng đối tượng, thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G:

[3.1] Nguồn gốc diện tích đất 1.830m<sup>2</sup>:

Diện tích đất này trước năm 1984 là đất do Hợp tác xã nông nghiệp B 3 (nay là Hợp tác xã nông nghiệp T) quản lý, sử dụng trồng cây hoa màu (mì, sắn). Năm 1984 Hợp tác xã nông nghiệp B 3 chuyển sang trồng cây công nghiệp lâu năm (cây điều). Đến trước năm 1993 cụ Nguyễn D (là cha ruột của ông Nguyễn Văn C) đã chiếm dụng diện tích đất này để trồng cây bạch đàn.

Bản đồ địa chính đo đạc năm 1993 được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định) phê duyệt ngày 06/5/1997 thể hiện: phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 471 có diện tích 3.740m<sup>2</sup>, loại đất lâm nghiệp (ký hiệu: LN) được thể hiện tại trang số 12, quyển số 01, trong Sổ mục kê đất ngày 06/5/1997 đứng tên chủ sử dụng đất là UBND xã B. Nhưng trên thực tế do cụ Nguyễn D sử dụng để trồng cây bạch đàn. Thực hiện Luật Đất đai năm 1993 và Nghị định số 64, hộ gia đình ông Nguyễn D có 04 nhân khẩu gồm: cụ Nguyễn D (chủ hộ), cụ Nguyễn Thị L1, ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G và là hộ xã viên Hợp tác xã nông nghiệp B 3, do đó được UBND xã B xét cân đối đề nghị UBND huyện T giao quyền sử dụng đất đối với 05 thửa đất (không có thửa đất số 471 nêu trên), cụ thể:

Thửa đất số 101, diện tích 820m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 620m<sup>2</sup> đất vườn); thửa đất số 666C, diện tích 320m<sup>2</sup>; thửa đất số 397A, diện tích 403m<sup>3</sup>; thửa đất số 808B, diện tích 142m<sup>2</sup>; thửa đất số 245B, diện tích 315m<sup>2</sup> đều thuộc tờ bản đồ số 02 và là loại đất trồng lúa, được thể hiện tại trang số 172, quyển số 01 trong Sổ Địa chính được Sở Địa chính (nay là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định) phê duyệt ngày 06/5/1997 đứng tên chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn D và cụ Nguyễn Thị L1.

Văn bản số 79/UBND ngày 27/10/2022 UBND xã B đã xác định: từ trước đến tháng 6/2015 hộ cụ Nguyễn D, cụ Nguyễn Thị L1; ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G không đăng ký kê khai đối với phần diện tích đất 1.830m<sup>2</sup> nêu trên.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị G cho rằng: thửa đất gia đình ông C và bà G đang sử dụng tại xóm 8, thôn T, xã B, huyện T có nguồn gốc là của cụ Đỗ Y (ông cố ngoại ông C) sử dụng thể hiện tại Trích lục

Đại Nam Trung Kỳ cấp. Liên tục từ đời cụ Đỗ Y, đến cụ Nguyễn C1 (là ông nội của ông C), đến cụ Nguyễn D (là cha ông C) và nay là ông sử dụng. Chứng cứ còn thể hiện là mộ của cụ Nguyễn C1 an táng ngày 26/01/1970; mộ cụ Đỗ Thị L (bà nội ông C) an táng ngày 26/5/1987; mộ cụ Nguyễn C2 an táng ngày 18/3/1970 (chú ruột ông C) và mộ hai anh ruột của ông C an táng năm 1965, 1970 tại thửa đất trên.

Tuy nhiên, qua quá trình đối chiếu Trích lục Địa Nam Trung Kỳ Chánh phủ (diện tích 01 mẫu, 11 thước) năm 1937 đứng tên cụ Đỗ Y do gia đình ông C cung cấp với Bản đồ hiện tại thì không xác định được ở vị trí đất tại khu vực nào.

[3.3] Ngày 06/6/1996 UBND huyện T ban hành Quyết định số 46 giao cho ông C sử dụng thửa đất số 495, diện tích 200m<sup>2</sup> (20m x 10m), loại ruộng đất: công nghiệp, hạng 2 để ông C xây dựng nhà ở, vị trí giới cận: Đông giáp đất trồng cây công nghiệp, Tây giáp đường mòn, Nam giáp đất trồng cây công nghiệp, Bắc giáp đất trồng cây công nghiệp (trên cơ sở đơn xin giao đất để xây dựng nhà ở của ông C năm 1996). ông C có đơn xin cấp GCNQSDĐ và ngày 20/7/2005 UBND huyện T cấp GCNQSDĐ số H00282 cho vợ chồng ông C đối với thửa đất được giao nêu trên. Phần diện tích đất còn lại không giao quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông C. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, vợ chồng ông C đã coi nói xây dựng các công trình ngoài diện tích được giao nêu trên cùng thửa đất như xây dựng một số công trình chăn nuôi gia súc, gia cầm, nhà vệ sinh và trồng các loại cây: điều, xoài, mít và một số cây hàng năm khác; diện tích còn lại ông đang trồng cây công nghiệp lâu năm (cây điều).

[3.4] Theo Bản đồ VN-2000 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Định phê duyệt ngày 04/5/2009 xác định toàn bộ diện tích đất hộ gia đình ông C đang sử dụng được đo đạc thành thửa đất số 175, diện tích 2.030m<sup>2</sup> thể hiện trong Sổ mục kê đất đai (gồm 200m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 1.830m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác); trang số 28, quyền số 01 ghi tên chủ sử dụng là ông Nguyễn Văn C.

Theo Quyết định số 1783QĐ-UBND ngày 12/10/2012 của UBND huyện T phê duyệt đồ án quy hoạch chung nông thôn mới xã B, huyện T thì thửa đất số 175, diện tích 1.830m<sup>2</sup> mà ông C và bà G khiếu nại cấp GCNQSDĐ đã quy hoạch khu dân cư và hiện tại hộ dân đã xây dựng nhà ở.

[3.5] Theo khoản 5 Điều 26 của Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”.

Điều 1 của Nghị quyết số 23/2003/QH11 ngày 26/11/2003 của Quốc hội về nhà đất do Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa trước ngày 01/7/1991 quy định: “*Nhà nước không xem xét lại chủ trương, chính sách và việc thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan*

*đến nhà đất đã ban hành trước ngày 01/7/1991. Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại nhà đất mà Nhà nước đã quản lý, bố trí sử dụng trong quá trình thực hiện các chính sách về quản lý nhà đất và chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa liên quan đến nhà đất”.*

Khoản 2 Điều 101 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 01/7/2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai, nay được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị, quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với nơi đã có quy hoạch thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.*

UBND huyện T không cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị G đối với diện tích 1.830m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác thuộc thửa đất số 175 tại xóm 8, thôn T, xã B, huyện T là đúng pháp luật. Đồng thời, UBND huyện T thống nhất cho ông Nguyễn Văn C tạm thời sử dụng diện tích 1.830m<sup>2</sup> theo hiện trạng và phải kê khai đăng ký theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ cho đến khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất. Khi Nhà nước thực hiện thu hồi đất có liên quan đến diện tích 1.830m<sup>2</sup> thì thực hiện theo các quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thực hiện việc thu hồi đất.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng: Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G là có căn cứ. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 và Điều 194 của Luật Tổ tụng hành chính. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 ngày 11/11/2011. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019. Luật Đất đai ngày 29/11/2013. Nghị định số

124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại ngày 11/11/2011. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai. Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính. Khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1981/QĐ-UBND ngày 05/5/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định và Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 11/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền ông C, bà G đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000298 ngày 20/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Quốc Cường**